

Số: /GPMT-CNCCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Kwong Ming Electrical (Việt Nam) tại Văn bản số 17.02/CV-KME ngày 17/02/2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất điện và điện tử thông minh Kwong Ming tại Việt Nam” tại Lô 14, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (gọi tắt là Dự án);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Kwong Ming Electrical (Việt Nam), địa chỉ trụ sở chính tại: Lô 14, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: “Nhà máy sản xuất điện và điện tử thông minh Kwong Ming tại Việt Nam” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: “Nhà máy sản xuất điện và điện tử thông minh Kwong Ming tại Việt Nam”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 14, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành

viên, mã số doanh nghiệp: 0110789997 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/07/2024.

1.4. Mã số thuế: 0110789997.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sản phẩm điện và điện tử thông minh.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án:

- Diện tích khu đất: 14.438 m² (Theo Hợp đồng thuê xưởng số 10/HĐTX-PH ký ngày 19/07/2024 giữa Công ty cổ phần Phú Hà và Công ty TNHH Kwong Ming Electrical (Việt Nam)).

- Tổng mức đầu tư: 33.150.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng).

- Quy mô: Dự án tương đương Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); Dự án có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm II (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

- Công suất:

+ Sản xuất và gia công các linh kiện điện tử như: thiết bị cảm biến điện tử (sensor), bộ chuyển mạch và bộ chuyển đổi các bộ phận điện tử: 500.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất và gia công ổ cắm, dây dẫn điện: 2.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất và gia công thiết bị điều khiển từ xa: 800.000 sản phẩm/năm.

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số dự án 5416660868 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (nay là Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội) chứng nhận cấp lần đầu ngày 10/07/2024).

- Quy trình sản xuất:

+ Quy trình công nghệ sản xuất của các sản phẩm cảm biến điện tử thông minh và thiết bị điều khiển từ xa: Bảng mạch PCB → In kem hàn (Vệ sinh tấm lưới bằng hóa chất độc) → Bảng mạch → Gắn linh kiện lên PCB → Hàn đối lưu → Hàn sóng → Kiểm tra AOI và dán nhãn → Bảng mạch đạt yêu cầu → Lắp ráp sản phẩm → Kiểm tra cuối cùng → Sản phẩm → Đóng gói.

+ Quy trình công nghệ sản xuất ổ cắm, dây dẫn điện: Nguyên liệu (LN đồng miếng, dây nguồn, miếng kết nối cực đất, cực E, phụ kiện vỏ nhựa ô điện) → Hàn tiếp xúc, hàn ghép, hàn nối → Lắp ráp sản phẩm → Kiểm tra ổ cắm → In dấu laser → Kiểm tra toàn bộ bên ngoài → Đóng gói.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Kwong Ming Electrical (Việt Nam):

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội để được hướng dẫn..

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 5 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

Điều 4. Phòng Xây dựng và Môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Mê Linh và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền (để b/c);
- Văn phòng UBND TP
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội (để ph/h);
- UBND huyện Mê Linh.
- Phòng CS&TT (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Các phòng: QLDN, HT&ĐT;
- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức;
- Công ty TNHH Kwong Ming Electrical (Việt Nam);
- Lưu: VT, XDMT.

Đinh Trần Quân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày / /2025
của Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của cán bộ công nhân làm việc tại nhà máy;

+ Nguồn thải số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ phòng thí nghiệm (Quá trình kiểm nghiệm sương muối, kiểm nghiệm chống nước);

- Không thuộc đối tượng cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, không xả trực tiếp nước thải ra môi trường).

- Chủ dự án đã ký Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 221/2024/HĐ-XLNT ngày 15/11/2024 với Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức (đơn vị quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung).

- Nước thải sản xuất được thu gom, quản lý như chất thải nguy hại.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

Thiết kế hệ thống thu gom nước thải của dự án riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải:

- Mạng lưới thu gom:

Nước thải từ nhà vệ sinh (nước thải xí, tiểu khu nhà văn phòng, nhà xưởng và nhà ăn) → Bể tự hoại 3 ngăn (04 bể dung tích 30 m³, 02 bể dung tích 20 m³) → Đường ống PVC D110 (L=200m) → Hồ ga gom nước thải (DxRxC= 1,8 x 1,2 x 1,2 m) → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 5 m³/ngày đêm.

- Thoát nước thải:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (nguồn số 1) sau khi xử lý bằng bể xử lý nước thải 3 ngăn 160 m³ → Đường ống PVC D110 (L=200m) → Hồ ga gom nước thải (DxRxC= 1,8 x 1,2 x 1,2 m) → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 5 m³/ngày đêm → Đường ống D60 (L= 60m) → Tự chảy về hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Quang Minh (qua 01 điểm đầu nối, tọa độ: X = 2 343 696; Y = 580 243; theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00', múi chiếu 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Hồ gom nước thải ($D \times R \times C = 1,8 \times 1,2 \times 1,2 \text{ m}$)
 → Bể điều hòa (bể composite đặt nổi; $V=1,8 \text{ m}^3$) → Bể SBR (bể composite đặt nổi, $V=3,6 \text{ m}^3$)
 → Bồn chứa nước thải sau xử lý (bồn nhựa, $V = 0,5 \text{ m}^3$).

- Công suất hệ thống xử lý: $5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất sử dụng: NaHCO_3 , mật rỉ đường (hoặc các hóa chất khác tương đương).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Có biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp lưu lượng nước thải tăng, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến nứt vỡ đường ống thu gom và thoát nước thải; trang bị một số thiết bị chủ yếu có nguy cơ mài mòn, thường xuyên bị hư hỏng để kịp thời thay thế khi gặp sự cố.

- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên kiểm tra tình trạng nước thải tại điểm đầu nổi.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Thời điểm dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm: Tháng 06 năm 2025.

- Thời điểm dự kiến kết thúc vận hành thử nghiệm: Tháng 09 năm 2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (01 hệ thống).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải đầu vào: Tại hồ ga chứa nước thải trước xử lý của hệ thống

- Mẫu nước thải đầu ra: Tại bồn chứa nước thải đã xử lý

2.2.2. Thông số và giá trị giới hạn cho phép của các thông số: Theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải công nghiệp của Khu công nghiệp Quang Minh.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c Khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nổi, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Quang Minh, không xả trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nổi nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Minh để tiếp tục xử lý.

3.3. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

3.4. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải cho cơ quan

cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải 20 ngày.

3.7. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải và các công trình ứng phó sự cố đối với nước thải.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày / /2025
của Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải từ công đoạn hàn đối lưu SMT;
- Nguồn số 2: Khí thải từ công đoạn hàn linh kiện;
- Nguồn số 3: Khí thải từ công đoạn hàn sóng;
- Nguồn số 4: Khí thải từ công đoạn làm sạch lưới thép;

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải bao gồm:

- Dòng thải khí: Tương ứng với ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải (nguồn số 1 đến 4) ra môi trường, lưu lượng xả 8.500 m³/giờ. Tọa độ: X = 2 343 618; Y = 580 228;

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°00' múi chiều 3^o)

Vị trí xả khí thải của dòng khí thải nằm trong khuôn viên của Dự án tại Lô 14, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

- Phương thức xả thải: Gián đoạn (khi có hoạt động).

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường của dòng khí thải phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn: QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội với $K_p=1,0$ (áp dụng với lưu lượng nguồn thải nhỏ hơn 20.000m³/h) và $K_v = 0,9$ đối với các thông số bụi tổng); $K_v = 1$ đối với thông số Đồng và hợp chất khu vực huyện Mê Linh); QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc định kỳ
QCTĐHN 01:2014/BTNMT, $C_{\max}=C \times K_p \times K_v$					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180 ⁽¹⁾		
3	Cu và hợp chất đồng	mg/Nm ³	10 ⁽¹⁾		
QCVN 20:2009/BTNMT					
4	Benzen	mg/Nm ³	5 ⁽²⁾	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện

Ghi chú:

(1): giá trị giới hạn theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT ($K_p=1,0$ (áp dụng với lưu lượng nguồn thải nhỏ hơn 20.000m³/giờ) và $K_v = 0,7$ đối với các thông số bụi tổng; $K_v = 1$ đối với các thông số Đồng và hợp chất khu vực huyện Mê Linh)).

(2): QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom:

- Khí thải từ nguồn số 1 đến 4:

+ Nguồn số 1: Công đoạn hàn đối lưu SMT → Chụp hút (D160, D200, D250) → Đường ống dẫn khí nhánh D250 (L=20m) → Đường ống dẫn khí tổng D450 (L= 45m) → Hệ thống xử lý khí thải công suất 8.500 m³/giờ.

+ Nguồn số 2: Công đoạn hàn linh kiện → Chụp hút (D160, D200, D250) → Đường ống dẫn khí nhánh D250 (L=15m) → Đường ống dẫn khí tổng D450 (L= 45m) → Hệ thống xử lý khí thải công suất 8.500 m³/giờ.

+ Nguồn số 3: Công đoạn hàn sóng → Chụp hút (D160, D200, D250) → Đường ống dẫn khí nhánh D250 (L=10m) → Đường ống dẫn khí tổng D450 (L= 45m) → Hệ thống xử lý khí thải công suất 8.500 m³/giờ.

+ Nguồn số 4: Công đoạn làm sạch lưới thép → Chụp hút (DxRx C=2x1,2x0,25 m) → Đường ống dẫn khí nhánh D250 (L=30m) → Đường ống dẫn khí tổng D450 (L= 45m) → Hệ thống xử lý khí thải công suất 8.500 m³/giờ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Đường ống D450 → Hộp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí ra môi trường (D550mm, h=3,5m).

+ Công suất của quạt hút: 8.500m³/giờ.

+ Thiết kế hộp hấp phụ than hoạt tính, số lượng 01 hộp: Vật liệu thép sơn phủ chống gỉ; kích thước D1400mm x R1000mm x C1300mm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc; thay thế các vật liệu xử lý theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra;

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Thời điểm dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm: Tháng 06 năm 2025.

- Thời điểm dự kiến kết thúc vận hành thử nghiệm: Tháng 09 năm 2025.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý khí thải

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại ống thoát khí thải theo vị trí được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c Khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý bụi, khí thải của cơ sở.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải để theo dõi, giám sát.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7,8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.7. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý khí thải và các công trình ứng phó sự cố đối với khí thải; Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sản công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày / /2025
của Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Từ quá trình sản xuất tại khu vực SMT tại xưởng số 01.
- Nguồn số 2: Từ quá trình sản xuất tại khu vực kiểm tra và DIP tại xưởng số 01.
- Nguồn số 3: Từ quá trình sản xuất tại khu vực lắp ráp tại xưởng số 01.
- Nguồn số 4: Từ quá trình sản xuất tại khu vực lắp ráp tại xưởng số 02.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tọa độ X = 2 343 644; Y = 580 191;
- Nguồn số 2: Tọa độ X = 2 343 637; Y = 580 188;
- Nguồn số 3: Tọa độ X = 2 343 619; Y = 580 186;
- Nguồn số 4: Tọa độ X = 2 343 515; Y = 580 200;

(Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰ múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.
- Sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các thông số kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày / /2025
của Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Loại CTNH	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh trung bình (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	20
2	Giẻ lau, găng tay dính TPNH	18 02 01	170
3	Dầu mỡ thải	17 02 04	120
4	Pin, ắc quy thải	19 06 01	20
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	18 01 03	300
6	Than hoạt tính thải (trong hộp hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	334
7	Xi thiếc hàn	07 04 02	20
8	Dầu thải từ quá trình ngưng tụ của hệ thống khí nén	17 03 05	120
9	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	07 01 06	200
10	Nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm (thử nghiệm sương muối, thử nghiệm chống nước)	19 10 01	138
	Tổng		1.442

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Sản phẩm lỗi hỏng không chứa thành phần nguy hại	480
2	Bao bì rách hỏng	110
3	Bùn thải từ bể tự hoại	4.950
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	495
5	Bùn thải từ quá trình nạo vét hệ thống nước mưa	70.0800
	TỔNG	76.115

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất khoảng 20,8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chuyên dụng dung tích $120 \div 200$ lít, có nắp đậy, dán nhãn và có dấu hiệu cảnh báo theo quy định. Thiết bị lưu chứa bảo đảm lưu giữ an toàn chất thải nguy hại, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ; ngăn chất thải rò rỉ hoặc bay hơi; kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải lưu chứa trong quá trình sử dụng.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 01 kho, diện tích là 10 m^2 nằm phía Đông nhà máy;

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kho được bố trí thùng chứa để riêng biệt theo từng loại CTNH có dán nhãn cảnh báo theo đặc tính nguy hại của chất thải. Bên ngoài khu lưu trữ chất thải được gắn các biển cảnh báo theo quy định.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Lưu giữ, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa có dung tích 30-250 lít/thùng bằng nhựa. Hàng ngày sẽ phân loại và thu gom rác thải từ các thùng chứa rác tại các khu vực nhà xưởng về kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: 01 kho, diện tích 10 m^2 , nằm phía Đông nhà máy.

2.2.3. Biện pháp quản lý: Lưu giữ, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy dung tích 20-120 lít; xe đẩy dung tích 500 lít
- Đối với bùn thải từ bể tự hoại và bùn từ hệ thống xử lý nước thải, bùn thải hệ thống thoát nước mưa: định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi xử lý.

2.3.2. Khu lưu giữ:

- Diện tích kho lưu giữ: 12 m^2 .
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu giữ: nằm phía đông Nhà máy, tường bao quanh, có mái che, nền đổ bê tông, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

2.3.3. Biện pháp quản lý: chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với quản lý chất thải; các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải:

- Tuân thủ nghiêm túc việc thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ nghiêm túc việc thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn,

chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Điều 35 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày / /2025
của Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

5. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của đơn vị quản lý hệ thống thoát nước của thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).

7. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 01/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2026/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện các quy định hiện hành./.